










DANH MỤC TTHC LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI

| STT | Tên Thủ tục hành chính | Mã QR Code |
|-----|--|------------|
| 1 | Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm | |
| 2 | Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp | |
| 3 | Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | |
| 4 | Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh | |
| 5 | Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện | |
| 6 | Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng | |
| 7 | Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội | |
| 8 | Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng | |



| STT | Tên Thủ tục hành chính | Mã QR Code |
|-----|--|---|
| 9 | Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở |  |
| 10 | Cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật |  |
| 11 | Thủ tục xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật |  |
| 12 | Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình |  |
| 13 | Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm |  |
| 14 | Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm |  |
| 15 | Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn |  |

